

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Ngày: 24 - 7 - 2023

V/v: “ Khiếu kiện Quyết định xử phạt vi phạm hành chính và Quyết định cưỡng chế buộc thực hiện biện pháp khắc phục hậu quả ”

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI ĐÀ NẴNG

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Tấn Long

Các Thẩm phán: Ông Trương Công Thi

Ông Phạm Tồn

- **Thư ký phiên tòa:** Bà Đoàn Thị Thu Hiền, Thư ký Tòa án nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng tham gia phiên toà: Ông Quách Hòa Bình - Kiểm sát viên.

Ngày 24 tháng 7 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng, xét xử phúc thẩm công khai vụ án hành chính thụ lý số 371/2022/TLPT-HC ngày 28 tháng 12 năm 2022 về việc: “*Khiếu kiện Quyết định xử phạt vi phạm hành chính và Quyết định cưỡng chế buộc thực hiện biện pháp khắc phục hậu quả*”.

Do Bản án hành chính sơ thẩm số 38/2022/HC-ST ngày 22-9-2022 của Tòa án nhân dân tỉnh Phú Yên bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 2461/2023/QĐ-PT ngày 03 tháng 07 năm 2023, giữa các đương sự:

1. *Người khởi kiện:* Bà Mai Thị T, sinh năm 1968; địa chỉ: thôn X, xã A, thành phố T, tỉnh Phú Yên; có mặt.

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Nguyễn Thành K, sinh năm 1960; Địa chỉ: D L, phường G, thành phố T, tỉnh Phú Yên; vắng.

2. *Người bị kiện:*

- Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố T, tỉnh Phú Yên.

- Ủy ban nhân dân thành phố T, tỉnh Phú Yên.

Người đại diện theo ủy quyền của UBND thành phố T và Chủ tịch UBND thành phố T: Ông Nguyễn Công T1 - Phó Chủ tịch; có đơn xin xét xử vắng mặt.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của UBND thành phố T và Chủ tịch UBND thành phố T: Bà Nguyễn Thị Bích D - Phó Trưởng phòng Phòng Tài nguyên và Môi trường thành phố T, có đơn xin xét xử vắng mặt.

3. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

- Ủy ban nhân dân xã A, thành phố T, tỉnh Phú Yên.

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Nguyễn Đức T2 - Địa chính - nông nghiệp - xây dựng và môi trường xã A, thành phố T, tỉnh Phú Yên; có đơn xin xét xử vắng mặt.

- Chi cục Thuế thành phố T, tỉnh Phú Yên; vắng mặt.

- Trung tâm phát triển quỹ đất thành phố T, tỉnh Phú Yên.

Người đại diện theo ủy quyền: Bà Nguyễn Thị Xuân Đ - Phó Giám đốc Trung tâm phát triển quỹ đất thành phố T, tỉnh Phú Yên; vắng mặt.

- Phòng Tài nguyên và Môi trường thành phố T, tỉnh Phú Yên.

Người đại diện theo ủy quyền: Bà Nguyễn Thị Bích D - Phó Trưởng phòng Phòng Tài nguyên và Môi trường thành phố T, tỉnh Phú Yên; có đơn xin xét xử vắng mặt.

- Ông Nguyễn Ngọc V, sinh năm 1970 (chồng bà Mai Thị T); địa chỉ: Thôn X, xã A, thành phố T, tỉnh Phú Yên; có mặt.

- Ông Nguyễn Hữu T3, sinh năm 1953 và bà Nguyễn Thị L, sinh năm 1958; địa chỉ: Thôn X, xã A, thành phố T, tỉnh Phú Yên; có đơn đề nghị xét xử vắng mặt.

4. Người kháng cáo: Bà Mai Thị T, có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

[1] Theo bản án sơ thẩm, nội dung vụ án được tóm tắt theo trình bày của các bên đương sự như sau:

- Người khởi kiện, bà Mai Thị T trình bày:

Vào ngày 02/02/1996, vợ chồng bà Mai Thị T có nhận chuyển nhượng từ vợ chồng ông Nguyễn Hữu T3 và bà Nguyễn Thị L một thửa đất diện tích khoảng 1.300m² tại thôn X xã A, thành phố T; tại thửa đất số 124, tờ bản đồ số 8 của UBND xã A quản lý, vị trí thửa đất như sau: phía đông giáp gò mả; phía nam giáp đất bà G; phía tây giáp đất ông Tám M; phía bắc giáp đường đi. Việc chuyển nhượng này được lập bằng giấy viết tay và không được công chứng, chứng thực. Tại thời điểm chuyển nhượng vợ chồng ông T3, bà L chưa được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đối với diện tích đất này. Sau khi nhận chuyển nhượng, vợ chồng bà T canh tác, sử dụng đất liên tục và có trồng nhiều cây ăn quả lâu năm, xây dựng lều trại trên thửa đất trên. Sau đó kinh tế gặp nhiều khó khăn nên vợ chồng bà T đã chuyển nhượng cho bà Lâm Thị C một diện tích 400m². Cùng thời điểm này, ông Ma Đức H cũng nhận chuyển nhượng đất của ông Nguyễn Hữu T3 và đã xây dựng nhà ở kiên cố cho đến nay. Sau khi bà Lâm Thị C nhận chuyển nhượng 400m² đất của vợ chồng bà T một thời gian,

thì bà C trả lại diện tích 400m² đất này cho vợ chồng bà T và không thực hiện việc chuyển nhượng nữa.

Ngày 31/12/2019, UBND thành phố T ban hành quyết định số 6762/QĐ-UBND về việc thu hồi 418m² của vợ chồng bà T để thực hiện Sân bóng đá mini của xã A và không bồi thường, hỗ trợ đất cho vợ chồng bà T vì cho rằng đất này là đất gò mả, hoang hóa.

Ngày 11/5/2020, UBND xã A có vận động bà T giao đất nhưng bà T không đồng ý. Ngày 01/3/2021, Chủ tịch UBND thành phố T ban hành Quyết định số: 24/QĐ-XPVPHC về xử phạt hành chính vì bà Mai Thị T đã có hành vi lấn chiếm đất phi nông nghiệp (đất nghĩa địa) tại khu vực nông thôn (với diện tích chiếm từ 0,05 hecta đến 0.1 hecta) với hình thức xử phạt chính là phạt tiền 30.000.000 triệu đồng và buộc khôi phục lại tình trạng ban đầu của đất trước khi vi phạm và buộc trả lại đất đã lấn chiếm.

Ngày 12/04/2021, Chủ tịch UBND thành phố T ban hành Quyết định số 16/QĐ-CCXP về việc cưỡng chế buộc thực hiện biện pháp khắc phục hậu quả với nội dung buộc khôi phục lại tình trạng ban đầu của đất trước khi vi phạm, buộc trả lại đất chiếm, mọi chi phí tổ chức thi hành biện pháp khắc phục hậu quả do cá nhân vi phạm chi trả.

Bà Mai Thị T xét thấy các quyết định đã nêu trên là thiếu căn cứ, không đúng pháp luật nên khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết các vấn đề sau:

- Hủy Quyết định xử phạt vi phạm hành chính số 24/QĐ-XPVPHC ngày 01/3/2021 của Chủ tịch UBND thành phố T;
- Hủy Quyết định Cưỡng chế buộc thực hiện biện pháp khắc phục hậu quả số 16/QĐ-CCXP ngày 12/4/2021 của Chủ tịch UBND thành phố T.
- Hủy Quyết định số 6762/QĐ-UBND ngày 31/12/2019 của UBND thành phố T về việc thu hồi đất để thực hiện Công trình xây dựng sân bóng đá mini (giai đoạn 1 & 2), xã A, thành phố T.
- Hủy Quyết định 4446/QĐ-UBND ngày 12/11/2020 của UBND thành phố T về việc thu hồi, chấm dứt hiệu lực Quyết định 6762/QĐ-UBND ngày 31/12/2019 của UBND thành phố T.

- Bồi thường toàn bộ tài sản bị thiệt hại trên đất gồm cây trồng và hàng rào bị cưỡng chế trái pháp luật.

- Công nhận quyền sử dụng đất hợp pháp của bà Mai Thị T tại thửa đất số 124, tờ bản đồ số 8, diện tích khoảng 1.300 m² (Theo bản vẽ hiện trạng mà Tòa án thực hiện vào ngày 10/12/2021 là 2.028,4m²) tọa lạc thôn X, xã A, thành phố T, tỉnh Phú Yên.

- **Người bị kiện** UBND thành phố T **trình bày** (tại Văn bản số 3385/UBND ngày 31/8/2021 và văn bản số 5944/UBND ngày 15/9/2022):

Về nguồn gốc đất mà bà Mai Thị T đang khởi kiện: Theo bản đồ đo đạc năm 1992 và sổ mục kê năm 1993 thì vị trí đất bà Mai Thị T đang khởi kiện thuộc một phần thửa đất số 836, tờ bản đồ số 3, diện tích 101.250m², loại đất nghĩa địa do UBND xã A quản lý. Theo bản đồ đo đạc năm 1997 và sổ mục kê năm 1998 thì thửa đất bà Mai Thị T đang khởi kiện thuộc thửa đất số 123, tờ bản đồ số 8 thôn X, diện tích 1.642 m², loại đất N⁺ (nghĩa địa) do UBND xã A quản lý.

Về căn cứ pháp lý để ban hành Quyết định số 24/QĐ-XPVPHC ngày 01/3/2021 và Quyết định số 16/QĐ-CCXP ngày 12/4/2021 của Chủ tịch UBND thành phố T:

Ngày 23/02/2021, UBND xã A lập biên bản vi phạm hành chính số 10/BB-VPHC trong lĩnh vực đất đai đối với bà Mai Thị T về hành vi vi phạm hành chính lấn chiếm đất phi nông nghiệp (đất nghĩa địa) tại khu vực nông thôn với diện tích 715,3m² quy định tại điểm b, khoản 4, Điều 14 Nghị định số 91/2019/NĐ-CP ngày 19/11/2019 của Chính phủ. Bà Mai Thị T có mặt tại hiện trường nhưng không ký vào biên bản vi phạm hành chính và không nhận biên bản. Trên cơ sở biên bản nêu trên, đề xuất của Phòng T, căn cứ quy định tại khoản 2, Điều 38 Nghị định số 91/2019/NĐ-CP ngày 19/11/2019 của Chính phủ quy định thẩm quyền xử phạt vi phạm hành chính của UBND cấp huyện thì trường hợp của bà Mai Thị T thuộc thẩm quyền xử phạt của Chủ tịch UBND thành phố; do vậy, Phó Chủ tịch UBND thành phố (được Chủ tịch UBND phó giao quyền) đã ký Quyết định số 24/QĐ-XPVPHC ngày 01/3/2021 về xử phạt vi phạm hành chính đối với bà Mai Thị T, trong đó biện pháp khắc phục hậu quả: *Buộc khôi phục lại tình trạng ban đầu của đất trước khi vi phạm, buộc trả lại đất đã chiếm.*

Ngày 22/3/2021, UBND xã A đã tiến hành kiểm tra việc chấp hành Quyết định xử phạt nêu trên thì phát hiện bà Mai Thị T chưa thực hiện biện pháp khắc phục hậu quả theo Quyết định số 24/QĐ-XPVPHC ngày 01/3/2021 mà tiếp tục rào thêm lưới B40 với chiều dài 63,6m và trồng thêm hoa màu, cây hàng năm và chưa chấp hành việc đóng tiền nộp phạt.

UBND xã A có Báo cáo số 45/BC-UBND ngày 26/3/2021 và Phòng T có Tờ trình số 351/TTr-TN&MT ngày 07/4/2021 gửi UBND thành phố. Căn cứ Điều 33, Nghị định số 166 2013/NĐ-CP ngày 12/11/2013 của Chính phủ quy định về cưỡng chế thi hành Quyết định xử phạt vi phạm hành chính; Chủ tịch UBND thành phố đã ban hành Quyết định số 16/QĐ-CCXP ngày 12/4/2021 về việc cưỡng chế buộc thực hiện biện pháp khắc phục hậu quả đối với bà Mai Thị T; thời gian thực hiện 30 ngày kể từ ngày nhận được quyết định.

Ngày 29/7/2021, Chủ tịch UBND thành phố đã ban hành Quyết định số 21/QĐ-SĐCCXP về việc sửa đổi, bổ sung một phần nội dung Điều 2, Điều 4 Quyết định số 16/QĐ-CCXP ngày 12/4/2021 của Chủ tịch UBND thành phố, thời gian thực hiện đến hết ngày 30/9/2021. Lý do sửa đổi, bổ sung: bổ sung đơn vị phối hợp thực hiện và sửa đổi thời gian thực hiện cưỡng chế do tình hình dịch

bệnh Covid-19 còn diễn biến phức tạp phải hạn chế tiếp xúc, tập trung đông người.

Như vậy, UBND thành phố ban hành Quyết định số 24/QĐ-XPVPHC ngày 01/3/2021 và Quyết định số 16/QĐ-CCXP ngày 12/4/2021 là có cơ sở, đúng theo trình tự, thủ tục của Luật xử lý vi phạm hành chính năm 2012 và các văn bản hướng dẫn thi hành.

Về việc bà Mai Thị T yêu cầu hủy các quyết định số 6762/QĐ-UBND ngày 31/12/2019 và Quyết định 4446/QĐ-UBND ngày 12/11/2020 của UBND thành phố T: Đối với Quyết định 6762/QĐ-UBND ngày 31/12/2019, UBND thành phố T đã ban hành quyết định 4446/QĐ-UBND ngày 12/11/2020 thu hồi Quyết định 6762/QĐ-UBND ngày 31/12/2019 nên việc bà Mai Thị T yêu cầu hủy các Quyết định này là không có cơ sở. Đề nghị Hội đồng xét xử bác toàn bộ yêu cầu khởi kiện của bà Mai Thị Thục .

- Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan UBND xã A trình bày:

Theo hồ sơ địa chính quản lý tại xã A thì vị trí đất bà Mai Thị T đang bị xử lý vi phạm hành chính thuộc thửa đất số 123, tờ bản đồ số 8 thôn X, diện tích 1.642 m², loại đất N⁺ (nghĩa địa) do UBND xã A quản lý.

Ngày 23/2/2021, UBND xã A lập Biên bản vi phạm hành chính số 10/BB-VPHC trong lĩnh vực đất đai đối với bà Mai Thị T về hành vi vi phạm hành chính lấn chiếm đất phi nông nghiệp (đất nghĩa địa) tại khu vực nông thôn với diện tích 715,3m² quy định tại điểm b, khoản 4, Điều 14 Nghị định số 91/2019/NĐ-CP ngày 19/11/2019 của Chính phủ. Bà Mai Thị T có mặt tại hiện trường nhưng không ký vào Biên bản vi phạm hành chính và không nhận biên bản. Căn cứ vào biên bản vi phạm hành chính này thì UBND thành phố T ban hành Quyết định số 24/QĐ-XPVPHC ngày 01/3/2021 về xử phạt vi phạm hành chính đối với bà Mai Thị T, trong đó biện pháp khắc phục hậu quả: *Buộc khôi phục lại tình trạng ban đầu của đất trước khi vi phạm, buộc trả lại đất đã chiếm.*

Ngày 22/3/2021, UBND xã A đã tiến hành kiểm tra việc chấp hành Quyết định xử phạt nêu trên thì phát hiện bà Mai Thị T chưa thực hiện biện pháp khắc phục hậu quả theo Quyết định số 24/QĐ-XPVPHC ngày 01/3/2021 mà tiếp tục rào thêm lưới B40 với chiều dài 63,6m và trồng thêm hoa màu, cây hàng năm và chưa chấp hành việc đóng tiền nộp phạt.

UBND xã A có Báo cáo số 45/BC-UBND ngày 26/3/2021 và Phòng T có tờ trình số 351/TTr-TN&MT ngày 07/4/2021 gửi UBND thành phố. Căn cứ Điều 33, Nghị định số 166 2013/NĐ-CP ngày 12/11/2013 của Chính phủ quy định về cưỡng chế thi hành Quyết định xử phạt vi phạm hành chính; Chủ tịch UBND thành phố đã ban hành Quyết định số 16/QĐ-CCXP ngày 12/4/2021 về việc cưỡng chế buộc thực hiện biện pháp khắc phục hậu quả đối với bà Mai Thị T; thời gian thực hiện 30 ngày kể từ ngày nhận được quyết định.

Đến thời điểm hiện tại bà Mai Thị T chưa thực hiện các Quyết định này. Đề nghị Tòa án bác toàn bộ yêu cầu khởi kiện của bà Mai Thị Thục .

- **Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan - Trung tâm phát triển quỹ đất** thành phố T **trình bày** (Văn bản 293/PTQĐ ngày 24/8/2022 của Trung tâm phát triển quỹ đất thành phố T):

Theo hồ sơ lưu giữ: Ngày 25/12/2020, UBND thành phố T ban hành Thông báo số 2838/TB-UBND về việc thu hồi đất để thực hiện công trình Xây dựng sân bóng đá mini (Giai đoạn 1&2), xã A, thành phố T, nội dung: *Thu hồi đất của hộ ông (bà) Mai Thị T và hộ ông (bà) Lâm Thị C đang sử dụng (Đất do UBND xã A quản lý) tại thửa đất trích đo số 2, tờ bản đồ số 8 tại xã A, thành phố T.*

Ngày 08/01/2021, Trung tâm Phát triển Quỹ đất thành phố phối hợp với UBND xã A công bố kế hoạch thu hồi đất và chuyển giao thông báo thu hồi đất cho các đối tượng biết và niêm yết kế hoạch thu hồi đất tại trụ sở UBND xã A, điểm sinh hoạt của khu dân cư nơi có đất bị thu hồi, tuy nhiên hộ bà Mai Thị T và hộ bà Lâm Thị C vắng mặt, do đó Trung tâm Phát triển Quỹ đất thành phố lập biên bản chuyển giao Thông báo thu hồi đất cho UBND xã A để chuyển giao cho các hộ dân vắng mặt. Đến ngày 13/01/2021, UBND xã A tiếp tục chuyển giao thông báo thu hồi đất cho các hộ dân còn lại, hộ bà Mai Thị T và hộ bà Lâm Thị C vắng mặt không có lý do. Do đó Trung tâm Phát triển Quỹ đất thành phố chưa tiến hành đo đạc, kiểm đếm công trình nhà cửa, vật kiến trúc và cây cối hoa màu có trên đất trúng giải tỏa Công trình.

Đến ngày 08/02/2021, UBND thành phố T có Thông báo số 138/TB-UBND ngày về việc thu hồi và chấm dứt hiệu lực Thông báo số 2838/TB-UBND ngày 25/12/2020 của UBND thành phố T lý do: *Đất do UBND xã A quản lý các hộ dân lấn chiếm đất sau ngày 01/7/2014 sử dụng đến nay.*

Như vậy, Thông báo số 2838/TB-UBND ngày 25/12/2020 của UBND thành phố đã thu hồi và chấm dứt hiệu lực, do đó hộ bà Mai Thị T, hộ bà Lâm Thị C không thuộc đối tượng thu hồi đất để thực hiện công trình. Đề nghị Hội đồng xét xử bác toàn bộ yêu cầu khởi kiện của bà Mai Thị Thục .

- Chi Cục quản lý đất đai tỉnh P **trình bày**: (Văn bản số 79/CCQLĐĐ ngày 08/4/2022 của Chi cục quản lý đất đai tỉnh P

- Theo Mạnh đo đạc hiện trạng sử dụng đất do Văn phòng Đ2 xác nhận ngày 28/12/2021 thì vị trí khu đất được xác định thuộc quy hoạch là Đất giao thông (ký hiệu quy hoạch DGT) theo Quyết định số 1991/QĐ-UBND ngày 31/12/2021 của UBND tỉnh “*về phê duyệt Quy hoạch sử dụng đất giai đoạn 2021–2030 của thành phố T*”.

- Theo Mạnh đo đạc hiện trạng sử dụng đất do Văn phòng Đ2 xác nhận ngày 06/01/2022 thì vị trí khu đất được xác định thuộc quy hoạch là Đất xây dựng cơ sở T7 (ký hiệu quy hoạch DTT) theo Quyết định số 1991/QĐ-UBND ngày 31/12/2021 của UBND tỉnh “*về phê duyệt Quy hoạch sử dụng đất giai đoạn 2021-2030 của thành phố T*”.

- Chi cục thuế thành phố T **trình bày:** (Văn bản 2928/CCT-KTNDP ngày 24/5/2021 của Chi cục thuế thành phố T):

Căn cứ Điểm 1.1, Khoản 1, Điều 17 Thông tư số 153/2011/TT-BTC ngày 11 tháng 11 năm 2011 của Bộ T8.

Căn cứ vào Tờ khai thuế SDĐPNN (Mẫu số 01/TK-SDĐPNN) do bà Mai Thị T kê khai có xác nhận của UBND xã A ngày 18/6/2012. Chi cục Thuế thành phố T lập bộ thuế, thông báo và thu thuế bà Mai Thị T diện tích 100m², Mã số thuế 8236095550, mã PNN CN 01250200306. Thời gian lập bộ, thu thuế từ năm 2012 - 2016 số thuế lập bộ: 15.000 đồng/ năm. Từ năm 2017 - 2021 số thuế lập bộ 18.000 đồng/ năm (*Thửa đất này đã khai thuế SDĐPNN từ năm 2012 chưa có giấy chứng nhận quyền sử dụng đất*).

Căn cứ vào tờ khai thuế SDĐPNN (Mẫu số 01/TK-SDĐPNN) do ông Nguyễn Hữu T3 sinh năm 1953 kê khai có xác nhận của UBND xã A ngày 18/6/2012. Chi cục Thuế thành phố T lập bộ thuế, thông báo và thu thuế ông Nguyễn Hữu T3 diện tích 200m² đất ở, Mã số thuế 8236095688, mã PNN CN 01250200273. Thời gian lập bộ, thu thuế từ năm 2012 - 2016 số thuế lập bộ: 12.000 đồng/ năm. Từ năm 2017 - 2021 số thuế lập bộ 18.000 đồng năm (*Thửa đất này đã có giấy chứng nhận quyền sử dụng đất*).

- **Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan vợ chồng ông Nguyễn Hữu T3 và bà Nguyễn Thị L thống nhất trình bày:**

Hiện tại ông T3, bà L không biết chính xác thửa đất bà Nguyễn Thị T4 đang khởi kiện nằm tại vị trí nào nhưng theo như lời trình bày của bà T4 thì vợ chồng ông T3, bà L cho rằng thửa đất mà bà T4 đang khởi kiện là của vợ chồng ông T3, bà L (được ông nội của ông T3 cho vợ chồng ông T3, bà L) chuyển nhượng cho bà T4 vào năm nào không nhớ rõ với giá 1,3 chỉ vàng. Tại thời điểm chuyển nhượng vợ chồng ông T3, bà L không có giấy tờ chứng minh quyền sử dụng đất. Việc chuyển nhượng này chỉ được lập bằng giấy tay, khi nhà ông T3, bà L bị cháy thì các giấy tờ này cũng bị cháy nên không còn tài liệu nào chứng minh việc chuyển nhượng này. Thời điểm chuyển nhượng đất thì trên đất có một số mồ mả của tổ tiên ông T3, ngoài ra trên đất không có tài sản nào khác. Sau khi chuyển nhượng xong, vợ chồng ông T3, bà L đã chuyển đi nơi khác sống nên hiện tại ông T3, bà L không rõ hiện trạng đất mà vợ chồng bà T4 đang khởi kiện có đúng vị trí mà trước kia vợ chồng ông T3, bà L đã chuyển nhượng cho bà T4 hay không.

- **Ông Nguyễn Ngọc V (chồng bà Mai Thị T):** thống nhất lời trình bày của bà T. Đề nghị chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Mai Thị Thục .

- **Người làm chứng ông Trần Văn G1 trình bày:** Ông G1 là người đang quản lý sử dụng thửa đất liền kề thửa đất bà T đang khởi kiện (phía nam thửa đất bà T). Ông G1 chỉ nghe bà T kể lại là mua đất từ ông T3. Ngoài ra, khu vực đất của bà T đang khởi kiện trước kia là đất nghĩa địa, hiện nay thì thấy không còn là đất nghĩa địa.

- **Người làm chứng ông** Trần N **trình bày**: Ông N là hàng xóm của bà T. Lúc trước ông N thấy thửa đất bà T đang khởi kiện là do ông T3 canh tác, sau này thì thấy bà T canh tác và nghe bà T kể lại là mua đất của ông T3. Theo như ông N được biết thì từ trước năm giải phóng đã có một số ngôi mộ chôn tại vị trí đất bà T đang khởi kiện, còn hiện tại thì thấy không có chôn người chết tại vị trí này.

- **Người làm chứng bà** Nguyễn Thị T5 **trình bày**: Bà T5 là hàng xóm của bà T, lúc trước có nghe bà T kể lại là có mua đất của ông T3 (tại vị trí đang khởi kiện). Trước kia trên thửa đất này có mồ mả nhưng là mồ mả của gia đình bà T, còn người quá cố của thôn X được chôn cất ở vị trí khác chứ không phải vị trí đất của bà T đang khởi kiện. Bà T5 không biết về địa danh Gò Xuân D1.

- **Người làm chứng ông** Trần Văn G2 **trình bày**: Ông G2 là hàng xóm của bà T, ông không biết rõ nguồn gốc thửa đất bà T đang khởi kiện là của ai nhưng lúc trước có ông T3 là người canh tác trên thửa đất này, sau đó thấy bà T canh tác và nghe bà T kể lại là mua đất của ông T3. Ông G2 là người sống tại địa phương này từ nhỏ và ông khẳng định người quá cố không có chôn cất tại vị trí đất bà T đang khởi kiện.

- **Người làm chứng ông** Trần Đ1 **trình bày**: Ông Đ1 là người có thửa đất phía sau thửa đất của bà T, lúc trước ông Đ1 đi trên đất của bà T để vào đất nhà ông Đ1 nhưng sau này bà T làm hàng rào nên ông Đ1 không đi lối đi này nữa. Ngoài ra, ông không biết gì về nguồn gốc đất của bà T.

Tòa án cấp sơ thẩm đã tổ chức phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và tiến hành đối thoại, nhưng các bên đương sự vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện, người bị kiện vẫn giữ nguyên quyết định hành chính bị kiện.

[2] Tại Bản án hành chính sơ thẩm số 38/2022/HC-ST ngày 22-9-2022 của Tòa án nhân dân tỉnh Phú Yên đã quyết định:

Áp dụng các Điều 30, 32, 116, 157, 158, điểm a khoản 2 Điều 193; khoản 1 Điều 348, 358 của Luật tổ tụng hành chính; khoản 1 Điều 12; khoản 3, Điều 66 và khoản 2 Điều 82, Điều 100, Điều 101 Luật đất đai; khoản 1 Điều 32 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của UBTVQH về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án; **Tuyên xử**:

Bác toàn bộ yêu cầu khởi kiện của bà Mai Thị T đối với các yêu cầu sau:

- Hủy Quyết định xử phạt vi phạm hành chính số 24/QĐ-XPVPHC ngày 01/3/2021 của Chủ tịch UBND thành phố T;
- Hủy Quyết định Cưỡng chế buộc thực hiện biện pháp khắc phục hậu quả số 16/QĐ-CCXP ngày 12/4/2021 của Chủ tịch UBND thành phố T.
- Hủy Quyết định 4446/QĐ-UBND ngày 12/11/2020 của UBND thành phố T về việc thu hồi, chấm dứt hiệu lực Quyết định số 6762/QĐ-UBND ngày 31/12/2019 của UBND thành phố T.

- Bác yêu cầu bồi thường toàn bộ tài sản bị thiệt hại trên đất gồm cây trồng và hàng rào bị cưỡng chế trái pháp luật.

- Bác yêu cầu công nhận quyền sử dụng đất hợp pháp của bà Mai Thị T tại thửa đất số 124, tờ bản đồ số 8, diện tích khoảng 1.300 m² (*Theo bản vẽ hiện trạng mà Tòa án thực hiện vào ngày 10/12/2021 là 2.028,4m²*) tọa lạc thôn X, xã A, thành phố T, tỉnh Phú Yên.

Vì không có căn cứ.

Đình chỉ giải quyết đối với yêu cầu khởi kiện hủy Quyết định số 6762/QĐ-UBND ngày 31/12/2019 của UBND thành phố T về việc thu hồi đất để thực hiện Công trình xây dựng xây bóng đá mini (giai đoạn 1 & 2), xã A, thành phố T.

Đối với Quyết định số 4446/QĐ-UBND ngày 12/11/2020 của UBND thành phố T về việc thu hồi, chấm dứt hiệu lực quyết định số 6762/QĐ-UBND ngày 31/12/2019 của UBND thành phố T; Thông báo số 2838/TB-UBND ngày 25/12/2020 của UBND thành phố T về thu hồi đất để thực hiện Công trình: Xây dựng sân bóng đá mini (Giai đoạn 1 và 2) xã A, thành phố T; Thông báo số 138/TB-UBND ngày 08/02/2021 của UBND thành phố T về việc thu hồi và chấm dứt hiệu lực Thông báo số 2838/TB-UBND ngày 25/12/2020 của UBND thành phố T được ban hành đúng quy định của pháp luật.

Ngoài ra Bản án sơ thẩm còn tuyên về án phí và quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

[3] Kháng cáo:

Ngày 04-10-2022 bà Mai Thị T kháng cáo bản án sơ thẩm, đề nghị hủy toàn bộ bản án sơ thẩm để điều tra, xác minh lại.

[4] Tại phiên tòa phúc thẩm:

Bà Mai Thị T giữ nguyên kháng cáo, trình bày lý do kháng cáo là đất bà T nhận chuyển nhượng từ năm 1996 và sử dụng liên tục từ đó đến nay, dùng để canh tác trồng cây ăn quả, cây hoa màu ngắn ngày, dựng lán trại để canh giữ hoa màu. Đồng thời, đã thực hiện nghĩa vụ thuế hàng năm đối với nhà nước.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng phát biểu ý kiến:

Về thủ tục tố tụng: Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký đã tuân thủ và thực hiện đúng với quy định của pháp luật về Tố tụng hành chính.

Về nội dung: đề nghị bác kháng cáo, giữ nguyên quyết định của Bản án hành chính sơ thẩm, bác toàn bộ yêu cầu khởi kiện của bà Mai Thị Thục .

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng và phạm vi của khởi kiện:

Người khởi kiện bà Mai Thị T yêu cầu Tòa án giải quyết:

- Hủy Quyết định xử phạt vi phạm hành chính số 24/QĐ-XPVPHC ngày 01/3/2021 của Chủ tịch UBND thành phố T;
 - Hủy Quyết định Cưỡng chế buộc thực hiện biện pháp khắc phục hậu quả số 16/QĐ-CCXP ngày 12/4/2021 của Chủ tịch UBND thành phố T.
 - Hủy Quyết định số 4446/QĐ-UBND ngày 12/11/2020 của UBND thành phố T về việc thu hồi, chấm dứt hiệu lực Quyết định số 6762/QĐ-UBND ngày 31/12/2019 của UBND thành phố T.
- Yêu cầu bồi thường toàn bộ tài sản bị thiệt hại trên đất gồm cây trồng và hàng rào bị cưỡng chế trái pháp luật.
- Yêu cầu công nhận quyền sử dụng đất hợp pháp của bà Mai Thị T tại thửa đất số 124, tờ bản đồ số 8, diện tích khoảng 1.300 m² (Theo bản vẽ hiện trạng mà Tòa án thực hiện vào ngày 10/12/2021 là 2.028,4m²) tọa lạc thôn X, xã A, thành phố T, tỉnh Phú Yên.

Ngoài ra, Hội đồng xét xử xem xét các văn bản liên quan khác gồm: (1) Thông báo số 2838/TB-UBND ngày 25/12/2020 của UBND thành phố T về thu hồi đất để thực hiện Công trình: Xây dựng sân bóng đá mini (Giai đoạn 1 và 2) xã A, thành phố T; (2) Thông báo số 138/TB-UBND ngày 08/02/2021 của UBND thành phố T về việc thu hồi và chấm dứt hiệu lực Thông báo số 2838/TB-UBND ngày 25/12/2020 của UBND thành phố T.

Tòa án nhân dân tỉnh Phú Yên đã thụ lý, tiến hành giải quyết, xét xử đúng thủ tục được quy định tại Luật Tổ tụng hành chính.

[2] Về Nguồn gốc, quá trình sử dụng và hiện trạng thửa đất mà bà Mai Thị T đang khởi kiện:

Theo bản đồ đo đạc năm 1997 và Sổ mục kê năm 1998 thì thửa đất bà Mai Thị T đang khởi kiện thuộc thửa đất số 123, tờ bản đồ số 8 thôn X, diện tích 1.642 m², loại đất N⁺ (nghĩa địa) do UBND xã A quản lý.

Theo Bản đồ đặc hiện trạng sử dụng đất do Văn phòng Đ2 xác nhận ngày 28/12/2021 thì vị trí khu đất được xác định thuộc quy hoạch là Đất giao thông (ký hiệu quy hoạch DGT) theo Quyết định số 1991/QĐ-UBND ngày 31/12/2021 của UBND tỉnh P “về phê duyệt Quy hoạch sử dụng đất giai đoạn 2021–2030 của thành phố T”.

Theo Bản đồ đặc hiện trạng sử dụng đất do Văn phòng Đ2 xác nhận ngày 06/01/2022 thì vị trí khu đất được xác định thuộc quy hoạch là Đất xây dựng cơ sở T7 (ký hiệu quy hoạch DTT) theo Quyết định số 1991/QĐ-UBND ngày 31/12/2021 của UBND tỉnh “về phê duyệt Quy hoạch sử dụng đất giai đoạn 2021-2030 của thành phố T”.

Tại biên bản xem xét thẩm định tại chỗ ngày 10/12/2021: Hiện trạng thửa đất bà Mai Thị T đang khởi kiện có tứ cận như sau:

- Phía Bắc giáp đất ông Lê B có tường rào lưới B40; 01 trụ bê tông do ông Lê Bốn r; giáp đất ông Đỗ Trường S và đường đất vào thôn xóm. Ranh giới giáp

đất ông Đỗ Trường S và giáp đường đất có hàng rào lưới B40, trụ gỗ và 05 trụ bê tông.

- Phía Nam giáp đất ông Trần Văn G1, có tường rào lưới B40, trụ bê tông do ông Trần Văn G1 rào.

- Phía Đông giáp đất ông Trần N, tường rào lưới B40 có 03 trụ bê tông do ông Trần Nam r1.

Hiện trạng trên đất có 01 chái do bà Mai Thị Thục d để ở chăm sóc vườn cây, diện tích 7,5mx6,3m kết cấu trụ bê tông, mái tôn có diện tích 2.9mx6,3m dựng vách tôn, lợp tôn; 01 trụ điện của nhà nước. Ngoài ra trên đất còn trồng nhiều loại cây trồng khác nhau như Bạch đàn năm thứ nhất 350 cây, Bạch đàn trên 05 năm (đường kính 10cm) có 08 cây, Mãng cầu và T6 đầu đều từ 02-04 năm.

Vợ chồng bà Mai Thị T, ông Nguyễn Ngọc V khai nhận chuyển nhượng quyền sử dụng đất từ vợ chồng Nguyễn Hữu T3 và bà Nguyễn Thị L vào ngày 02/02/1996 nhưng chỉ có Giấy viết tay, tại thời điểm chuyển nhượng thì vợ chồng ông Nguyễn Hữu T3 và bà Nguyễn Thị L không có giấy tờ gì chứng minh quyền sử dụng đất của ông T3, bà L đối với diện tích đất này. Theo lời trình bày của những người làm chứng gồm: Ông Trần Văn G1, ông Trần Đ1, bà Nguyễn Thị T5, ông Trần N, ông Trần Văn G2 chỉ xác định việc bà Mai Thị T có canh tác trên đất đang khởi kiện, còn việc nguồn gốc đất như thế nào thì họ không rõ.

Theo Văn bản 2928/CCT-KTNDP ngày 24/5/2021 của Chi cục thuế thành phố T thì bà Mai Thị T đóng thuế sử dụng đất đối với diện tích 100m², Mã số thuế 8236095550, mã PNN CN 01250200306. Thời gian lập bộ, thu thuế từ năm 2012 - 2016 số thuế lập bộ: 15.000 đồng/ năm. Từ năm 2017 - 2021 số thuế lập bộ 18.000 đồng/ năm (*Thửa đất này đã khai thuế SDĐPNN từ năm 2012 chưa có giấy chứng nhận quyền sử dụng đất*). Đối với ông Nguyễn Hữu T3 là người chuyển nhượng đất cho bà Mai Thị T có đóng thuế sử dụng đất đối với diện tích 200m², Mã số thuế 8236095688, mã PNN CN 01250200273. Thời gian lập bộ, thu thuế từ năm 2012 - 2016 số thuế lập bộ: 12.000 đồng/ năm. Từ năm 2017 - 2021 số thuế lập bộ 18.000 đồng năm (*Thửa đất này đã có giấy chứng nhận quyền sử dụng đất*). Như vậy, trong quá trình sử dụng đất bà Mai Thị T không có đăng ký kê khai quyền sử dụng đất và không thực hiện nghĩa vụ đóng thuế sử dụng đất đối với thửa đất đang khởi kiện. Bà T không xuất trình được các Biên lai nộp thuế của thửa đất đang khởi kiện này cho Tòa án cấp phúc thẩm.

[3] Xem xét tính hợp pháp và có căn cứ của Quyết định xử phạt vi phạm hành chính số 24/QĐ-XPVPHC ngày 01/3/2021 và Quyết định Cưỡng chế buộc thực hiện biện pháp khắc phục hậu quả số 16/QĐ-CCXP ngày 12/4/2021:

Ngày 23/2/2021, UBND xã A lập biên bản vi phạm hành chính số 10/BB-VPHC trong lĩnh vực đất đai đối với bà Mai Thị T về hành vi vi phạm hành chính chiếm đất phi nông nghiệp (đất nghĩa địa) tại khu vực nông thôn với diện tích 715,3m² quy định tại điểm b, khoản 4, Điều 14 Nghị định số 91/2019/NĐ-

CP ngày 19/11/2019 của Chính phủ. Bà Mai Thị T có mặt tại hiện trường nhưng không ký vào biên bản vi phạm hành chính và không nhận biên bản.

Ngày 01/3/2021 Chủ tịch UBND thành phố T ban hành Quyết định số 24/QĐ-XPVPHC về xử phạt vi phạm hành chính đối với bà Mai Thị T, trong đó biện pháp khắc phục hậu quả: *Buộc khôi phục lại tình trạng ban đầu của đất trước khi vi phạm, buộc trả lại đất đã chiếm.*

Ngày 22/3/2021, UBND xã A đã tiến hành kiểm tra việc chấp hành Quyết định xử phạt nêu trên thì phát hiện bà Mai Thị T chưa thực hiện biện pháp khắc phục hậu quả theo Quyết định số 24/QĐ-XPVPHC ngày 01/3/2021 mà lại cố tình rào thêm lưới B40 với chiều dài 63,6m và trồng thêm hoa màu, cây hàng năm và chưa chấp hành việc đóng tiền nộp phạt.

Ngày 12/4/2021, Chủ tịch UBND thành phố T ban hành Quyết định số 16/QĐ-CCXP về việc *cưỡng chế buộc thực hiện biện pháp khắc phục hậu quả đối với bà Mai Thị T; thời gian thực hiện 30 ngày kể từ ngày nhận được quyết định.*

Ngày 29/7/2021, Chủ tịch UBND thành phố đã ban hành Quyết định số 21/QĐ-SĐCCXP về việc sửa đổi, bổ sung một phần nội dung Điều 2, Điều 4 Quyết định số 16/QĐ-CCXP ngày 12/4/2021 của Chủ tịch UBND thành phố, thời gian thực hiện đến hết ngày 30/9/2021. *Lý do sửa đổi, bổ sung: bổ sung đơn vị phối hợp thực hiện và sửa đổi thời gian thực hiện cưỡng chế do tình hình dịch bệnh Covid-19 còn diễn biến phức tạp phải hạn chế tiếp xúc, tập trung đông người.*

Tại thời điểm nhà nước đo đạc bản đồ địa chính theo Chỉ thị 299/CP của Chính phủ thì thửa đất số 124, tờ bản đồ số 8, diện tích khoảng 1.300 m² tại thôn X, xã A, thành phố T, tỉnh Phú Yên (*Theo bản vẽ hiện trạng mà Tòa án thực hiện vào ngày 10/12/2021 là 2028,4m²*) là đất nghĩa địa. Theo Khoản 2 Điều 7 Luật đất đai quy định đất nghĩa trang, nghĩa địa do UBND xã quản lý. Hành vi lấn chiếm nêu trên của bà Mai Thị T thuộc trường hợp nhà nước nghiêm cấm tại khoản 1 Điều 12 Luật đất đai “*lấn, chiếm, hủy hoại đất đai*”. Vì vậy, Chủ tịch UBND thành phố T ban hành các Quyết định số 24/QĐ-XPVPHC ngày 01/3/2021 và Quyết định số 16/QĐ-CCXP ngày 12/4/2021 là có căn cứ, đúng pháp luật.

Đối với Quyết định số 4446/QĐ-UBND ngày 12/11/2020 của UBND thành phố T về việc *thu hồi, chấm dứt hiệu lực quyết định số 6762/QĐ-UBND ngày 31/12/2019 của UBND thành phố T; Thông báo số 2838/TB-UBND ngày 25/12/2020 của UBND thành phố T về thu hồi đất để thực hiện Công trình: Xây dựng sân bóng đá mini (Giai đoạn 1 và 2) xã A, thành phố T; Thông báo số 138/TB-UBND ngày 08/02/2021 của UBND thành phố T về việc thu hồi và chấm dứt hiệu lực Thông báo số 2838/TB-UBND ngày 25/12/2020 của UBND thành phố T được ban hành đúng quy định của pháp luật.*

Từ những căn cứ nêu trên, Hội đồng xét xử xét thấy yêu cầu khởi kiện của bà Mai Thị T yêu cầu hủy các quyết định hành chính và công nhận quyền sử dụng đất đối với diện tích bà T đang khởi kiện là không có căn cứ. Bản án sơ thẩm đã đánh giá, xem xét toàn bộ các chứng cứ, nhận định đúng các tình tiết, sự kiện và quyết định Bác toàn bộ yêu cầu khởi kiện là có căn cứ. Tại phiên tòa phúc thẩm không có tài liệu chứng cứ mới làm thay đổi nội dung vụ án, nên không có cơ sở chấp nhận kháng cáo, HĐXX phúc thẩm giữ nguyên quyết định của bản án sơ thẩm.

[4] Về án phí hành chính sơ thẩm, chi phí xem xét thẩm định tại chỗ và đo đạc: Do yêu cầu khởi kiện của bà Mai Thị T không được chấp nhận nên bà Mai Thị T phải chịu án phí hành chính sơ thẩm và chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ và đo đạc là đúng quy định.

Về án phí phúc thẩm bà Mai Thị T phải chịu là 300.000 đồng, được khấu trừ vào tiền tạm ứng án phí phúc thẩm đã nộp.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH

1. Căn cứ vào khoản 1 Điều 241, Điều 242 Luật Tổ tụng hành chính; Bác kháng cáo của bà Mai Thị T và giữ nguyên quyết định của Bản án hành chính sơ thẩm số 38/2022/HC-ST ngày 22-9-2022 của Tòa án nhân dân tỉnh Phú Yên .

2. Về án phí hành chính sơ thẩm: bà Mai Thị T phải chịu 300.000 đồng án phí hành chính phúc thẩm, được khấu trừ vào số tiền 300.000 đồng đã nộp tại biên lai thu tiền số 0000014 ngày 10 tháng 10 năm 2022 của Cục thi hành án dân sự tỉnh Phú Yên.

Bản án hành chính phúc thẩm có hiệu lực pháp luật từ ngày tuyên án./.

Nơi nhận:

- Vụ GDKT III-TANDTC;
- VKSND cấp cao tại Đà Nẵng;
- TAND tỉnh Phú Yên
- Cục thi hành án dân sự tỉnh Phú Yên;
- Những người tham gia tố tụng;
- Lưu HS, P.HCTP, LT

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

Nguyễn Tấn Long